

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Thừa hành viên; Đấu giá tài sản; Thừa phát lại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1444/QĐ-BTP ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực thừa hành viên thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1458/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài thuộc phạm vi chức năng quản lý của của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 99/TTr-STP ngày 11 tháng 6 năm 2026 và Tờ trình số 100/TTr-STP ngày 13 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 08 thủ tục hành chính ban hành mới ; 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 15 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Thừa hành phát; Đấu giá tài sản; Thừa phát lại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp theo Quyết định số 1444/QĐ-BTP ngày 09 tháng 6 năm 2026, Quyết định số 1458/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, NC, PVHCC^(KSTT).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang



DANH MỤC 08 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; 04 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; 15 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC: THỪA HÀNH VIÊN; ĐẦU GIA TÀI SẢN; THỪA PHÁT LẠI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số: 2604/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (08 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 1444/QĐ-BTP ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp									
LĨNH VỰC THỪA HÀNH VIÊN (08 TTHC) – có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026									
1	Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên 1.008921	Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên của Sở Tư pháp	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	-	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Cấp tỉnh	x
2	Bổ nhiệm	- Đối với Sở Tư pháp:	- Trực tiếp hoặc	Có	Toàn	Phí, lệ phí:	- Nghị định số	Cấp	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
	Thừa hành viên 1.008922	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên của Sở Tư pháp. 14 - Thời gian xác minh tiêu chuẩn bổ nhiệm không quá 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu xác minh; và không tính vào thời hạn xem xét, quyết định bổ nhiệm Thừa hành viên.	qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.		trình	800.000đ/hồ sơ. <i>(Được thực hiện thanh toán “tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)</i>	151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	tỉnh	
3	Miễn nhiệm	- Trường hợp miễn	- Trực tiếp hoặc	Có	Toàn	-	- Nghị định số	Cấp	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
	Thừa hành viên 1.008923	nhiệm theo nguyện vọng cá nhân - Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. - Trường hợp bị miễn nhiệm - Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP. - Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.	qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.		trình		151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	tỉnh	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
4	Bổ nhiệm lại Thừa hành viên 1.008924	- Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên của Sở Tư pháp. - Thời gian xác minh không quá 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu xác minh; và không tính vào thời hạn xem xét, quyết định bổ nhiệm lại Thừa hành viên.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Phí, lệ phí: 500.000đ/hồ sơ. <i>(Được thực hiện thanh toán “tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)</i>	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Cấp tỉnh	x
5	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc	Có	Toàn trình	-	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
	1.008925		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.				08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
6	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên 1.008926	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị thay đổi nơi tập sự.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	-	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-	x
7	Đăng ký	Trong thời hạn 05 ngày	- Trực tiếp hoặc	Có	Toàn	-	- Nghị định số	-	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
	hành nghề và cấp Thẻ Thừa hành viên 1.008927	làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.		trình		151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
8	Cấp lại Thẻ Thừa hành viên 1.008928	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng	Có	Toàn trình	-	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2025/TT-BTP	-	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
			dụng định danh quốc gia.				ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
Tổng cộng: 08 TTHC									

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (04 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 1458/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp										
LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (04 TTHC) – có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành										
1	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá 1.003915	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung	Có	Toàn trình	- Phí, lệ phí; - Căn cứ pháp lý.	Phí, lệ phí: 800.000 đồng (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo	- Luật đấu giá tài sản năm 2016. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.				<i>Thông tư số 64/2025/TT-BTC).</i> (Được thực hiện thanh toán “tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	năm 2024. - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu 1.000802	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Phí, lệ phí. - Căn cứ pháp lý.	Phí, lệ phí: 500.000 đồng (áp dụng mức phí 250.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). <i>(Được thực hiện thanh toán “tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)</i>	- Luật đấu giá tài sản năm 2016. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản năm 2024. - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
3	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến 2.001225	Trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày nhận đủ Đề án hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Căn cứ pháp lý.	Phí, lệ phí: Không quy định.	- Luật đấu giá tài sản năm 2016. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản năm 2024. - Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	-	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			gia.					ngày 14/01/2026 của Chính phủ.		
4	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá 2.002139	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	- Cách thức thực hiện; - Căn cứ pháp lý.	Phí, lệ phí: 2.700.000 đồng (Được thực hiện thanh toán “tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	- Luật đấu giá tài sản năm 2016. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản năm 2024. - Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 30/2025/TT-BTP ngày	-	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
Tổng cộng: 04 TTHC										

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (15 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ DVC trực tuyến	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
I. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Quyết định số 1458/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp					
LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (06 TTHC) – có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026					
1	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản 2.001395.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	-
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản 2.001333.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	-
3	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản 2.001258.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	-

STT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ DVC trực tuyến	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
4	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản 2.001247.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	-
5	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản 1.013634.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	-
6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản 1.013635.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	-

II. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Quyết định số 1444/QĐ-BTP ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI (09 TTHC) – có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

1	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại 1.008929.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/3/2026
2	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại 1.008930.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/3/2026
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại 1.008931.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/3/2026
4	Chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại 1.008932.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày	Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/3/2026

STT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ DVC trực tuyến	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
				16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
5	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại 1.008933.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/3/2026
6	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại 1.008934.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/3/2026
7	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại 1.008935.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/3/2026
8	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại 1.008936.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/3/2026
9	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại 1.008937.H21	Cấp tỉnh	Toàn trình	- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/3/2026
Tổng cộng: 15 TTHC					